

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC

### I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

| TT                            | Độ tuổi | Mục tiêu giáo dục                                                                                                                    |
|-------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Phát triển thể chất</b> |         |                                                                                                                                      |
| <b>a) Phát triển vận động</b> |         |                                                                                                                                      |
| 1                             | 13-18   | Tích cực thực hiện bài tập làm được một số động tác đơn giản cùng cô: Giơ cao tay, ngồi cúi người về phía trước, nằm giơ cao chân.   |
| 2                             | 18-24   | Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.                                                     |
| 3                             | 24-36   | Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.                                             |
| 4                             | 13-18   | Tự đi tới chỗ giáo viên ( khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn.                                                                    |
| 5                             | 18-24   | Giữ được thăng bằng của cơ thể khi đi trên đường thẳng ( ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m. |
| 6                             | 24-36   | Giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.          |

## NHÓM TRẺ 13 - 36 THÁNG

| Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                             | Chủ đề thực hiện |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Riêng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Chung                                                                                                                                                                                                                                       |                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <div>- Ngồi chân dang ngang, dang sang 2 bên, nhấc cao từng chân, nhấc cao 2 chân.</div>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <div>*18-36 tháng tuổi:<br/>- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra<br/>*13-36 tháng:<br/>- Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau<br/>- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.</div> | 1 - 9            |
| <div>- Chân: dang sang 2 bên</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <div>tay.<br/>- Lưng, bụng, lườn: vặn người sang 2 bên.<br/>+ Chân: Co duỗi từng chân.</div>                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <div>- Tập đi.<br/>- Đi giữ nách<br/>- Đi giữ 2 tay<br/>- Đi theo hướng thẳng<br/>- Đi cầm tay cô</div>                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                             | 1 - 9            |
| <div>- Tập đi, chạy<br/>- Đi bước qua vật cản<br/>- Đi bước qua gậy<br/>- Tập bước lên xuống bậc thang</div>                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <div>- Tập đi, chạy:<br/>- Đi bước vào các ô<br/>- Đi theo đường ngoằn ngoèo<br/>- Đi kết hợp với chạy<br/>- Chạy thay đổi hướng<br/>- Đi bước qua gậy kê cao<br/>- Bước lên xuống bậc cao 15cm<br/>- Chạy theo hướng thẳng<br/>- Đứng co 1 chân<br/>- Bật tại chỗ<br/>- Bật qua vạch kẻ<br/>- Bật qua các vòng<br/>- Bật về phía trước<br/>- Bật xa bằng 2 chân</div> |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |
| <div>*18-36 tháng:<br/>- Đi trong đường hẹp<br/>- Đi có mang vật trên tay<br/>- Bước lên xuống bậc có vịn<br/>* 18-36 tháng<br/>- Đi theo hiệu lệnh</div>                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                             |                  |

|    |       |                                                                                                                                                       |
|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | 13-18 | Thực hiện các vận động có sự phối hợp; biết lăn, bắt bóng với cô.                                                                                     |
| 8  | 18-24 | Thực hiện phối hợp tay; mắt biết lăn - bắt bóng với cô.                                                                                               |
| 9  | 24-36 | Thực hiện phối hợp tay; mắt: tung - bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2 m.                                                        |
| 10 | 13-18 | Bò theo bóng lăn/ đồ chơi được khoảng 2,5 - 3m                                                                                                        |
| 11 | 18-24 | Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản                                                                                 |
| 12 | 24-36 | Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng                                                                        |
| 13 | 13-18 | Thể hiện sức mạnh cơ bắp trong vận động: Lăn, ném bóng: ngồi, lăn mạnh bóng lên trước được khoảng 2,5 m; có thể tung ( hất ) bóng xa được khoảng 70cm |

|                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                           |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đứng tung bóng</li> <li>- Ngồi tung bóng</li> <li>- Đứng tung bóng vào rổ</li> </ul>                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 13-24 tháng:</li> <li>- Ngồi lăn bóng bằng 2 tay</li> <li>- Tung bóng</li> </ul> | 1,2,3,4,5,6,7 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng bằng 1 tay</li> <li>- Ném bóng bằng 2 tay</li> <li>- Tung bóng qua dây</li> <li>- Ném bóng qua dây</li> <li>- Ném bóng vào rổ</li> </ul>                                                                |                                                                                                                           |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng cùng cô</li> <li>- Tung bóng bằng hai tay</li> <li>- Ném bóng trúng đích</li> <li>- Tung bóng qua dây</li> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> </ul>                    |                                                                                                                           |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trườn, bò qua vật cản.</li> <li>- Bò về phía trước</li> <li>- Bò qua vật cản</li> </ul>                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 13-18 tháng, 24-36:</li> <li>- Bò, trườn qua vật cản</li> </ul>                  | 1,2,3,4,5,8,9 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò, trườn tới đích</li> <li>+ Bò chui (dưới dây/ gậy kê cao)</li> <li>- Bò đến vật chuẩn</li> <li>- Trườn đến vật chuẩn</li> <li>- Trườn về phía trước</li> </ul>                      |                                                                                                                           |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tập bò, trườn:</li> <li>- Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng</li> <li>- Bò thẳng hướng trong đường hẹp</li> <li>- Bò, trườn chui qua cổng</li> <li>- Bò qua vật cản</li> <li>- Trườn qua vật cản</li> </ul> |                                                                                                                           |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lăn, tung bóng về phía trước</li> </ul>                                                                                                                                                                          |                                                                                                                           |               |

|                                        |       |                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14                                     | 18-24 | - Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng:<br>Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m ; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m |
| 15                                     | 24-36 | Biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng:<br>ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).                                  |
| 16                                     | 13-18 | Thực hiện được cử động của bàn tay, ngón tay khi cầm, gõ, bóp, đập đồ vật                                                                               |
| 17                                     | 18-24 | - Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay                                                                                                                 |
| 18                                     | 24-36 | Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.                                                                                     |
| 19                                     | 13-18 | Lồng được 2 - 3 hộp, xếp chồng được 2 - 3 khối vuông.                                                                                                   |
| 20                                     | 18-24 | - Tháo, lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ                                                                                        |
| 21                                     | 24-36 | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.        |
| <b>b, Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe</b> |       |                                                                                                                                                         |
| 22                                     | 13-18 | Thích nghi với chế độ ăn cháo                                                                                                                           |
| 23                                     | 18-24 | - Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau                                                                           |

|                                                                                                                      |                                                          |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
| + Đứng ném                                                                                                           |                                                          | 2       |
| - Ném bóng về phía trước                                                                                             |                                                          |         |
| - Xoay bàn tay và cử động các ngón tay<br>- Gõ, đập, cầm, bóng đồ vật                                                |                                                          | 1,2,5,6 |
| - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.<br>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật                                                    |                                                          |         |
| - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đào, vò xé<br>'- Nhón, nhặt đồ vật<br>- Đóng cọc bàn gỗ |                                                          |         |
| -Đóng mở nắp không ren                                                                                               | * 13 - 36 tháng:<br>- Xếp chồng ( 2- 8 khối)             | 1-9     |
| - Đóng mở nắp có ren<br>- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.                                                   | * 13-24 tháng:<br>-Tháo lắp, lồng hộp                    |         |
| - Chắp ghép hình<br>-Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.<br>- Tập cầm bút tô, vẽ.<br>- Lật mở trang sách.    |                                                          |         |
| - Làm quen với chế độ ăn cháo nấu với các thực phẩm khác nhau                                                        | Trẻ 13-18 tháng:<br>+ Một số thực phẩm cần thiết cho bé. |         |
| - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau                                                       | + Trò chuyện về nhu cầu trong gia đình bé.               |         |

|    |       |                                                                                                       |
|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | 24-36 | Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau                                  |
| 25 | 13-18 | Ngủ đủ 2 giấc theo chế độ sinh hoạt                                                                   |
| 26 | 18-24 | - Ngủ 1 giấc ngủ trưa                                                                                 |
| 27 | 24-36 | Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa                                                                         |
| 28 | 13-36 | Chấp nhận ngồi bô khi đi vệ sinh                                                                      |
| 29 | 18-24 | - Biết " gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh                                                     |
| 30 | 24-36 | Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                 |
| 31 | 13-18 | - Làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn                                                        |
| 32 | 18-24 | - Làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn ( ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước) |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau</li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.</li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,2,3,8,9   |
| - Làm quen chế độ ngủ 2 giấc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1- 9        |
| - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
| - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>*13-24 tháng:</li> <li>- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh</li> <li>- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh</li> <li>+ Gọi cô khi bị ướt, bị bẩn.</li> </ul> </li> </ul> | 1,2,3,6,9   |
| - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 13-24 tháng:</li> <li>- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.</li> <li>- Tập ngồi vào bàn ăn</li> <li>- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh</li> <li>- Làm quen với rửa tay, lau mặt</li> </ul>                                          | 1,2,3,4,6,7 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |

|                       |       |                                                                                                                         |
|-----------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 33                    | 24-36 | Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,...)                                         |
| 34                    |       | - Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh                                           |
| 35                    | 13-18 | - Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm ( Phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.                                           |
| 36                    | 18-24 | - Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm ( Phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.                     |
| 37                    | 24-36 | Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng,xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.         |
| 38                    | 13-18 | - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm                                                                                   |
| 39                    | 18-24 | - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm ( sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ...)                                           |
| 40                    | 24-36 | Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở |
| Điều chỉnh và bổ sung |       |                                                                                                                         |

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

|    |       |                                                                    |
|----|-------|--------------------------------------------------------------------|
| 41 | 13-18 | Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng' |
| 42 | 18-24 |                                                                    |

|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tự phục vụ:</li> <li>+ Xúc cơm, uống nước.</li> <li>+ Chuẩn bị chỗ ngủ.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh</li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                    |           |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.</li> </ul>                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                    | 2,6,8,9   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 13-36 tháng:</li> <li>'- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.</li> </ul>         | 2,3,5,6,8 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>13-36 tháng:</li> <li>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) và phòng tránh.</li> </ul> | 3,4,6,7,8 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>*13-24 tháng:</li> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe âm thanh và tìm nơi</li> </ul>                                       |           |

|    |       |                                                                                                                      |
|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 43 | 24-36 | Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                  |
| 44 | 13-18 | -Bắt chước hành động đơn giản của những người thân                                                                   |
| 45 | 18-24 |                                                                                                                      |
| 46 | 24-36 | Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| 47 | 13-18 | Chỉ hoặc nói được tên của mình những người gần gũi khi được hỏi                                                      |
| 48 | 18-24 | Chỉ hoặc nói được tên của mình những người gần gũi khi được hỏi                                                      |
| 49 | 24-36 | Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi                                                        |
| 50 | 13-18 | Chỉ vào hoặc nói tên 1 vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi                                                     |
| 51 | 18-24 |                                                                                                                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                  |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn)</li> <li>- Nếm vị của một số loại quả, thức ăn ( Ngọt- mặn- chua)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>phát ra âm thanh</li> <li>- Sờ nắn, lắc các đồ chơi nghe âm thanh.</li> <li>- Ngửi mùi của 1 số hoa quả gần gũi</li> <li>- Nếm vị của một số loại quả, thức ăn</li> </ul> | 2,3,6,8 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>*13-24 tháng:</li> <li>- Đồ dùng đồ chơi của bản thân.</li> </ul>                                                                                                         | 1,2,3,7 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                  |         |
| - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                  |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>*13-24 tháng:</li> <li>- Tên của bản thân</li> <li>- Hình ảnh của bản thân trong gương</li> <li>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.</li> </ul>  | 1,2,3   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                  |         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân</li> <li>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình</li> <li>- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                  |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>*13-24 tháng:</li> <li>- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.</li> </ul>                                                                       |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                  |         |

|    |       |                                                                                                                     |
|----|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52 | 24-36 | Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.                                                   |
| 53 | 13-18 | Chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn  |
| 54 | 18-24 | Chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn |
| 55 | 24-36 | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật quen thuộc.       |
| 56 | 13-18 | Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.                                |
| 57 | 18-24 |                                                                                                                     |
| 58 | 24-36 | Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu                                           |
| 59 | 13-18 | -Trẻ biết chỉ hoặc lấy đồ chơi có kích thước to /nhỏ theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.                         |
| 60 | 18-24 |                                                                                                                     |
| 61 | 24-36 | -Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.                                     |

|                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                          |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| - Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân                                                                                                                                                         |                                                                                                          | 2         |
|                                                                                                                                                                                                                                       | *13-24 tháng:<br>- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.                                 | 1,3,4,5,7 |
|                                                                                                                                                                                                                                       | - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.<br>- Tên một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. |           |
| - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.<br>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.<br>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. |                                                                                                          |           |
|                                                                                                                                                                                                                                       | *13-36 tháng:<br>- Màu đỏ, xanh                                                                          | 2,9       |
|                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                          |           |
| - Màu vàng<br>- Hình tròn, hình vuông                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                          |           |
|                                                                                                                                                                                                                                       | *13-36 tháng:<br>- Kích thước to, nhỏ                                                                    | 3,5,8,9   |
|                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                          |           |
| - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước sau) so với bản thân trẻ.<br>'- Số lượng (một - nhiều)                                                                                                                                  |                                                                                                          |           |

|                                        |       |                                                                                                    |
|----------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 62                                     | 13-18 | - Trẻ biết gọi tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi                                  |
| 63                                     | 18-24 |                                                                                                    |
| 64                                     | 24-36 |                                                                                                    |
| 65                                     | 13-36 | - Trẻ làm quen với ngôn ngữ tiếng việt                                                             |
| Điều chỉnh<br>và bổ sung               |       |                                                                                                    |
|                                        |       |                                                                                                    |
|                                        |       |                                                                                                    |
| <b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b> |       |                                                                                                    |
| <b>Nghe</b>                            |       |                                                                                                    |
| 66                                     | 13-18 | Hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi                                            |
| 67                                     | 18-24 | - Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay ...                                  |
| 68                                     | 24-36 | Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”. |
| 69                                     | 13-18 | Làm theo được một vài yêu cầu đơn giản: chào - khoanh tay; hoan hô - vỗ tay; tạm biệt - vẫy tay... |
| 70                                     | 18-24 | - Hiểu được từ không: dừng hành động khi nghe " không được lấy? " "không được sờ ?"                |
| 71                                     | 24-36 | Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.                                                        |

|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                               | 7             |
| - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                               |               |
|                                                                                                                                                                                                     | <p><i>Trẻ nói được tên đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc...hướng dẫn, gợi ý của cô.</i></p> <p><i>- Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt:</i></p> | 1,3,4,5,7     |
|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
|                                                                                                                                                                                                     | <p><b>* 13-36 tháng:</b></p> <p>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</p> <p>- Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc</p>                                         | 2,3,4,5,7,8,9 |
|                                                                                                                                                                                                     | <p><b>* 13-24 tháng:</b></p> <p>- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.</p>                                                                                                          | 1,2,3,4,6,7,9 |
|                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                               |               |
| <p>- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.</p> <p>- <i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động, đặc điểm...</i></p> |                                                                                                                                                                                               |               |

|            |       |                                                                                                                     |
|------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 72         | 13-18 | Hiểu câu hỏi: "...Đâu?" (" mẹ đâu?", "Bà đâu?", "Vịt đâu"...)                                                       |
| 73         | 18-24 | Trả lời được câu hỏi đơn giản: " Ai đây?";" Con gì đây?";" Cái gì đây?"....                                         |
| 74         | 24-36 | Trẻ trả lời các câu hỏi :“Ai đây?”, “Cái gì đây?”,“...làm gì ?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) |
| 75         | 13-18 | Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, ghe truyện kể đơn giản theo tranh                                                |
| 76         | 18-24 |                                                                                                                     |
| 77         | 24-36 | Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.  |
| <i>Nói</i> |       |                                                                                                                     |
| 78         | 13-18 | Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta, meo meo, bìm bìm...                                              |
| 79         | 18-24 | - Nhắc lại từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi,...                                                     |
| 80         | 24-36 | Trẻ biết phát âm rõ tiếng.                                                                                          |

|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                                                                                                                                           | * 13-24 tháng: Nghe các câu hỏi: "Ở đâu?"; "Con gì?"; "...thế nào?"("Gà gáy thế nào");"Cái gì?";"Làm gì". | 1,2,3,4,5 |
|                                                                                                                                                                                           | - Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?";"cái gì?";Làm gì?"                                                    |           |
| - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.<br>-Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; ... “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”... |                                                                                                           |           |
|                                                                                                                                                                                           | * 13-24 tháng:<br>- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, ghe truyện kể đơn giản theo tranh                  | 1-9       |
|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           |           |
| - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn<br>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý                                                         |                                                                                                           |           |
|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           |           |
|                                                                                                                                                                                           | *13-36 tháng:<br>- Phát âm các âm khác nhau                                                               | 1-9       |
|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           |           |
|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           |           |

|    |       |                                                                                                                                                                                              |
|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 81 | 13-18 | Nhắc lại được một số từ đơn: mẹ, bà, ba, gà, tô...                                                                                                                                           |
| 82 | 18-24 | - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc                                                                                                                            |
| 83 | 24-36 | Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.                                                                                                                           |
| 84 | 13-18 | Sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như gọi mẹ, bà...                                                                                                                                           |
| 85 | 18-24 | - Nói được câu đơn 2-3 tiếng: Con đi chơi; bóng đá, mẹ đi làm;...                                                                                                                            |
| 86 | 24-36 | Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.                                                                                   |
| 87 | 13-18 | Nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: "bế" (khi muốn được bế); "uống" hoặc "nước"(khi muốn uống nước); "măm măm"(khi muốn ăn); "đi đi" (khi muốn đi chơi)...                                              |
| 88 | 18-24 | - Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (Cháu uống nước, cháu muốn ...)                                                                                                               |
| 89 | 24-36 | - Trẻ có khả năng sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>- Chào hỏi, trò chuyện.<br>- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.<br>- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... |
| 90 |       | Nói to, đủ nghe, lễ phép                                                                                                                                                                     |
| 91 | 13-18 | - Trẻ mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.                                                                                                                        |
| 92 | 18-24 | - Trẻ mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.                                                                                                                        |
| 93 | 24-36 | Lắng nghe khi người lớn đọc sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.                                                                                  |

|                                                                                                                              |                                                                                    |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                                                                                                                              | * 13-24 tháng:<br>- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao.                            | 2,3,7,9     |
|                                                                                                                              | '- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô<br>tiếng cuối của câu thơ                            |             |
| - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè câu đố, bài hát.<br>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn 3 - 4 tiếng                 |                                                                                    |             |
|                                                                                                                              | * 13-24 tháng:<br>- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi                 | 1-9         |
|                                                                                                                              |                                                                                    |             |
| - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.                                        |                                                                                    |             |
|                                                                                                                              | *13-24 tháng:<br>- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.         | 1,4,8,9     |
|                                                                                                                              |                                                                                    |             |
| - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.                                               |                                                                                    |             |
| - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.                                                           |                                                                                    |             |
|                                                                                                                              | *13-24 tháng:<br>- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh. | 4,5,6,7,8,9 |
|                                                                                                                              |                                                                                    |             |
| - Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.<br>'- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. |                                                                                    |             |

|                                                             |       |                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Điều chỉnh<br>và bổ sung                                    |       |                                                                                                                         |
|                                                             |       |                                                                                                                         |
|                                                             |       |                                                                                                                         |
| 4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ. |       |                                                                                                                         |
| 94                                                          | 13-18 | - Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi )                         |
| 95                                                          | 18-24 |                                                                                                                         |
| 96                                                          | 24-36 | Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).<br>Có ý thức về bản thân                                                |
| 97                                                          |       | Thể hiện điều mình thích và không thích                                                                                 |
| 98                                                          | 13-18 | Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với người gần gũi                                                       |
| 99                                                          | 18-24 |                                                                                                                         |
| 100                                                         | 24-36 | Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.<br>Mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. |
| 101                                                         | 13-18 | Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh                                             |
| 102                                                         | 18-24 |                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             | *13-24 tháng:<br>- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.                | 1,2 |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
| - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân<br>- Giữ gìn vệ sinh thân thể, biết rửa mặt rửa tay sạch sẽ                                         |                                                                         |     |
| - Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.                                                                                                      |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             | *13-24 tháng:<br>- Giao tiếp với cô và bạn                              | 1-9 |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
| - Giao tiếp với những người xung quanh.<br>- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.<br>- Biết tự giác chào hỏi, mạnh dạn trả lời khi được người khác hỏi |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |
|                                                                                                                                                             | *13-24 tháng:<br>- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh |     |
|                                                                                                                                                             |                                                                         |     |

|     |       |                                                                                                                      |
|-----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 103 |       | Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.                                                                 |
| 104 | 24-36 | Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.<br>Có khả năng biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. |
| 105 | 13-18 | Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.                                             |
| 106 | 18-24 |                                                                                                                      |
| 107 | 24-36 | Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.                               |
| 108 | 13-18 | Chào tạm biệt khi được nhắc nhở                                                                                      |
| 109 | 18-24 |                                                                                                                      |
| 110 | 24-36 | Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.                                                                              |
| 111 | 13-18 | Bắt chước được một vài hành vi xã hội ( bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)                                |
| 112 | 18-24 |                                                                                                                      |

|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                      |       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.                                                                                                                             |                                                                                                                                      | 1-9   |
| - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.<br>- Trẻ thể hiện niềm vui thích khi được ngắm quang cảnh mùa xuân.<br>- Thể hiện sự hào hứng khi chuẩn bị lên lớp mẫu giáo. |                                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                         | *13-36 tháng:<br>- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi<br>- Quan tâm đến các vật nuôi                                                        | 1,3,4 |
|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                         | *13-24 tháng:<br>- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ".<br>* 13-36: Kính yêu Bác Hồ | 1-9   |
|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                      |       |
| - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.                                                             |                                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                         | *13-24 tháng:<br>Bắt chước hành vi ( bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)                                                   | 1,3   |
|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                      |       |

|     |       |                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 113 | 24-36 | Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).<br>Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. |
| 114 |       | Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.                                                                                                                                                          |
| 115 | 13-18 | Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn                                                                                                                                          |
| 116 | 18-24 |                                                                                                                                                                                         |
| 117 | 24-36 | Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.                                                                                                                                                 |
| 118 | 13-18 | Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)                                                                                                                      |
| 119 | 18-24 |                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                     |       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thể hiện một số hành vi qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).</li> <li>- Trẻ biết cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                     |       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.</li> </ul>                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,5,6 |
|                                                                                                                                                                                                                            | <p>*13-24 tháng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.</li> </ul> <p>* 13-36 tháng: <i>Vứt rác đúng nơi quy định</i></p> | 1-9   |
|                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                     |       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.</li> </ul>                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                     |       |
|                                                                                                                                                                                                                            | <p>*13-24 tháng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh, của các nhạc cụ.</li> </ul>                                                                                                                       |       |
|                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                     |       |

|                          |       |                                                                                          |
|--------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 120                      | 24-36 | Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.                |
| 121                      | 13-18 | Thích vẽ, xem tranh.                                                                     |
| 122                      | 18-24 |                                                                                          |
| 123                      | 24-36 | Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt ch ngoạc). |
| 124                      | 13-36 | <i>Trẻ biết một số ngày lễ hội trong năm.</i>                                            |
| Điều chỉnh<br>và bổ sung |       |                                                                                          |
|                          |       |                                                                                          |
|                          |       |                                                                                          |

|                                                                                                                                |                                                                   |             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|
| - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.<br>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |                                                                   | 1 -> 9      |
|                                                                                                                                | *13-24 tháng:<br>- Tập cầm bút vẽ<br>*13-36 tháng:<br>- Xem tranh | 1-9         |
| - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.                                                                   |                                                                   |             |
|                                                                                                                                | - Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán...                    | 1,2,3,4,6,9 |
|                                                                                                                                |                                                                   |             |
|                                                                                                                                |                                                                   |             |
|                                                                                                                                |                                                                   |             |

**Giáo viên**

**Tổ chuyên môn**

**Nhà trường ký duyệt**

Lường Thị Lâm

Lù Thị Hà

Lò Thị Hoạt